

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Dự toán các nhiệm vụ năm 2026;
- Tên gói thầu: Mua 01 xe ô tô theo chức danh của Văn phòng Bộ
- Giá gói thầu: **1.400.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn*);
- Chủ đầu tư: Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước
- Hình thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng;
- Thời gian thực hiện: Năm 2026;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày;
- Địa điểm: Trụ sở Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Chung loại xe: Xe ô tô sedan 5 chỗ loại xăng lai điện (Hybrid)
- Hàng hóa đề xuất phải nêu rõ tên hàng hóa, năm sản xuất, model/ký mã hiệu, thông số kỹ thuật, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.
- Hàng hóa đề xuất phải có catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu; Đối với tài liệu bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt, cần cung cấp bản dịch thuật công chứng tiếng Việt.
- Cam kết cung cấp giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO) hoặc Tờ khai hải quan hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu do Cục đăng kiểm cấp và bản sao giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) nếu là hàng hóa nhập khẩu; giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa trong nước
- Nhà thầu phải cam kết cung cấp hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 trở đi.
- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 03 năm (36 tháng) hoặc ≥ 100.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước kể từ khi 2 bên ký biên bản bàn giao, nghiệm thu.

- Địa điểm bảo hành: Tại các đại lý, xưởng dịch vụ ủy quyền của hãng sản xuất trên toàn quốc.

- Yêu cầu thông số kỹ thuật đáp ứng tối thiểu theo bảng sau:

THÔNG TIN CHUNG	YÊU CẦU
Số chỗ	5
Kiểu dáng	Sedan
Xuất xứ	
Nhiên liệu	Xăng
Màu ngoại thất	Đen
Năm sản xuất	2025 hoặc 2026
1. ĐỘNG CƠ & KHUNG XE	
Kích thước	
Kích thước tổng thể bên ngoài (D x R x C) (mm x mm x mm)	$\geq 4920 \times 1840 \times 1445$
Chiều dài cơ sở (mm)	2825
Chiều rộng cơ sở (Trước/Sau) (mm)	$\geq 1580/1590$
Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 140
Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	5.8
Trọng lượng không tải (kg)	1665
Trọng lượng toàn tải (kg)	2100
Dung tích bình nhiên liệu (L)	50
Tiêu chuẩn khí thải	Euro 5 w OBD
Tiêu thụ nhiên liệu (L/100km)	
Trong đô thị	≤ 4.2
Ngoài đô thị	≤ 4.2
Kết hợp	≤ 4.2
Động cơ thường	
Loại động cơ	
Số xy lanh	4 xy lanh thẳng hàng
Dung tích xy lanh (cc)	≤ 2487
Hệ thống van biến thiên	
Loại nhiên liệu	Xăng
Công suất tối đa ((KW) HP/vòng/phút)	$\geq (137)184/ 5700$
Mô men xoắn tối đa (Nm/vòng/phút)	$\geq 221/ 3600-5200$
Động cơ điện	
Công suất tối đa ((KW) HP/vòng/phút)	≥ 100
Mô men xoắn tối đa (Nm/vòng/phút)	≥ 202
Ắc quy Hybrid	
Loại	Lithium
Truyền lực	
Loại dẫn động	Dẫn động cầu trước

Hộp số	Số tự động vô cấp E-CVT
Các chế độ lái	≥ 3 chế độ (Tiết kiệm, thường, thể thao)
Hệ thống treo	
Trước	Mc Pherson
Sau	Tay đòn kép
Hệ thống lái	
Loại	Trợ lực điện
Vành & lốp xe (bao gồm lốp dự phòng)	
Loại vành	Hợp kim
Kích thước lốp	235/45R18
Phanh	
Sau	Đĩa
Trước	Đĩa tản nhiệt
2. NGOẠI THẤT	
Cụm đèn trước	
Đèn chiếu gần	LED
Đèn chiếu xa	LED
Đèn chiếu sáng ban ngày	LED
Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có
Hệ thống cân bằng góc chiếu	Có
Cụm đèn sau	
Đèn vị trí	LED
Đèn phanh	LED
Đèn báo rẽ	LED
Đèn lùi	LED
Đèn báo phanh trên cao	
Loại	LED
Gạt mưa	
Trước	Gạt mưa tự động
Chức năng sấy kính sau	Có
Ăng ten	Có
Tay nắm cửa ngoài xe	Cùng màu thân xe
Gương chiếu hậu ngoài	
Chức năng điều chỉnh điện	Có
Chức năng gập điện	Tự động
Tích hợp đèn báo rẽ	Có
Tích hợp đèn chào mừng	Có
Chức năng tự điều chỉnh khi lùi	Có
Bộ nhớ vị trí	Có (2 vị trí)
Đèn sương mù	

Trước	LED
3. NỘI THẤT	
Tay lái	
Loại tay lái	3 chấu
Chất liệu	Da
Nút bấm điều khiển tích hợp	Có
Điều chỉnh	Chỉnh điện 4 hướng
Lẫy chuyển số	Có
Bộ nhớ vị trí	Có
Gương chiếu hậu trong	Chống chói tự động
Tay nắm cửa trong xe	Mạ crôm hoặc tương đương
Cụm đồng hồ	
Loại đồng hồ	Digital hoặc Analog
Đèn báo hệ thống Hybrid	Có
Màn hình hiển thị đa thông tin	TFT 12.3'
4. GHẾ	
Ghế trước	
Chất liệu bọc ghế	Da
Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện 10 hướng
Điều chỉnh ghế hành khách	Chỉnh điện 10 hướng
Bộ nhớ vị trí	Ghế người lái (2 vị trí)
Ghế sau	
Hàng ghế thứ hai	Ngả lưng chỉnh điện
Tựa tay hàng ghế sau	Có
5. TIỆN NGHI	
Hệ thống âm thanh	
Màn hình	Màn hình cảm ứng 12.3 inch
Số loa	≥ 9 loa
Cổng kết nối USB	Có
Kết nối Bluetooth	Có
Hệ thống điều khiển bằng giọng nói	Có
Chức năng điều khiển từ hàng ghế sau	Có
Hệ thống đàm thoại rảnh tay	Có
Kết nối điện thoại thông minh	Có
Các tiện nghi khác	
Cửa sổ trời	Có
Rèm che nắng kính sau	Chỉnh điện
Rèm che nắng cửa sau	Chỉnh tay
Hệ thống điều hòa	Tự động 3 vùng độc lập
Cửa gió phía sau	Có
Cổng kết nối USB phía sau	Có

Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm	Có
Phanh tay điện tử	Có
Hiển thị thông tin trên kính lái	Có
Sạc không dây	Có
Cửa sổ điều chỉnh điện	Có
Chức năng khóa cửa từ xa	Có
Khóa cửa điện	Có (Tự động theo tốc độ)
Hệ thống điều hòa lọc Ion âm (Nanoe X)	Có
6. AN NINH/HỆ THỐNG CHỐNG TRỘM	
Hệ thống báo động	Có
Hệ thống mã hóa khóa động cơ	Có
7. AN TOÀN BỊ ĐỘNG	
Hệ thống an toàn chủ động Toyota Safety Sense	
Cảnh báo tiền va chạm (PSC)	Có
Hỗ trợ giữ làn đường	Có
Điều khiển hành trình chủ động	Có (Mọi dải tốc độ)
Đèn chiếu xa tự động	Có
Cảnh báo lệch làn đường (LDA)	Có
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	
Sau	Có (2)
Góc trước	Có (2)
Góc sau	Có (2)
Trước	Có (2)
Các tính năng an toàn chủ động khác	
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	Có
Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp (BA)	Có
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có
Hệ thống cân bằng điện tử (VSC)	Có
Hệ thống kiểm soát lực kéo (A-TRC)	Có
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC)	Có
Hệ thống theo dõi áp suất lốp (TPMS)	Có
Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSM)	Có
Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)	Có
Đèn báo phanh khẩn cấp (EBS)	Có
Camera hỗ trợ đỗ xe	Camera 360
Hệ thống hỗ trợ ra khỏi xe an toàn	Có
Phanh hỗ trợ đỗ xe	Có
8. AN TOÀN CHỦ ĐỘNG	
Túi khí	
Túi khí người lái & hành khách phía trước	Có (2)
Túi khí bên hông phía trước	Có (2)

Túi khí rèm	Có (2)
Túi khí đầu gối người lái	Có (1)
Khung xe GOA	Có
Dây đai an toàn	3 điểm ELR, 5 vị trí

Mục 2. Bản vẽ

Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Hàng hóa được kiểm tra ngay sau khi giao hàng tại địa điểm giao hàng.

- Chi phí cho việc kiểm tra và mọi chi phí phát sinh khác do nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Nếu hàng hóa không đáp ứng yêu cầu, tùy tình hình cụ thể bên mua sẽ đưa ra yêu cầu cụ thể, bên cung cấp có trách nhiệm đáp ứng.

- Trước khi nghiệm thu, thiết bị sẽ được chạy thử nghiệm theo thông số kỹ thuật yêu cầu của gói thầu.